TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – T do – Hạnh phúc
Số: 39/2018/QĐST-HNGĐ	*Hải Dương, ngày 17 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Bùi Đăng Huy**.

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **Phạm Thị Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung theo Quyết định mở phiên họp số 74/2018/QĐMPH-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Nguyễn Thị B**, sinh ngày 26/3/1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Hàn Quốc.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Nguyễn H**, sinh năm 1987; địa chỉ nơi cư trú: Thị trấn V, huyện G, tỉnh Hà Giang; là người đại theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị B (Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2018).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị B trình bày vợ chồng T do tìm hiểu, T nguyện kết hôn, ngày 29/02/2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Đến năm 2015 chị B đi lao động tại Hàn Quốc. Do xa cách địa lý cùng với bất đồng quan điểm nên sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Năm 2016 chị B về Việt Nam, vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không hiệu quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó chị B lại đi Hàn

Quốc lao động, từ đó đến nay không về Việt Nam, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

-Về quan hệ con chung: Anh T và chị B cùng xác định có 02 con chung là Lê Minh Q, sinh ngày 17/02/2012, hiện đang ở với anh T và Lê Minh K, sinh ngày 24/6/2016, hiện đang ở với mẹ đẻ chị B là bà Nguyễn Thị M. Khi ly hôn anh T và chị B thống nhất anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh Q, chị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh K, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên do chị B đang ở Hàn Quốc nên anh chị thống nhất bà M chăm sóc con chung thay chị B cho đến khi chị B về Việt Nam đón cháu. Bà M cũng đồng ý và xác định chi phí chăm sóc cháu K do bà và chị B T thỏa thuận, không yêu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh T và chị B trình bày vợ chồng T thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh T trình bày anh T nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh T và chị B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn. Chị B hiện đang lao động ở Hàn Quốc, anh T cư trú ở tỉnh Hải Dương nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền, bản tự khai của chị B gửi về từ Hàn Quốc đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc nên được công nhận là hợp pháp.

Tại phiên họp vắng mặt chị B và anh H. Chị B, anh H đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị B T do tìm hiểu, T nguyện kết hôn, ngày 29/02/2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Thời gian chị B đi lao động ở Hàn Quốc vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Như vậy mâu thuẫn giữa anh T và chị B đã trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Xét thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng con chung và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự thỏa thuận, giao con chung Lê Minh Q, sinh ngày 17/02/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Minh K, sinh ngày 24/6/2016 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và do bà M – mẹ đẻ của chị B tiếp tục chăm sóc cho đến khi chị B về đón cháu. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chi phí chăm sóc con chung Lê Minh K do bà M và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[5] Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Tại phiên họp, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị B. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị B, giao con chung Lê Minh Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Minh K cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và do mẹ đẻ của chị B tiếp tục chăm sóc cho đến khi chị B về đón cháu. Anh T và chị B không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn T về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 149, Điều 367, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị B về việc anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Minh Q, sinh ngày 17/02/2012 đến khi trưởng thành; chị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Minh K, sinh ngày 24/6/2016 đến khi trưởng thành và do bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964 tại thị trấn V, huyện Bắc Q, tỉnh Hà Giang tiếp tục chăm sóc cho đến khi chị B về đón cháu. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn T về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do anh T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số **AA/2017/0004319 ngày 02/10/2018**. Anh T đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 17/10/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh HD;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa HC.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Bùi Đăng Huy